

**PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KHAI THÁC
CÁC TUYẾN XE BUÝT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**PHẦN I
PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC LỰA CHỌN**

I. MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG, THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa vận tải hành khách bằng xe buýt, kêu gọi các nguồn lực tham gia kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên cơ sở Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên kết trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2050;

- Định hướng đầu tư phát triển phương tiện xe buýt, đơn vị khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt về số lượng, chất lượng, quy mô phù hợp với thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch, tạo nếp quen sử dụng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe buýt của người tham gia giao thông, hạn chế sử dụng xe cá nhân, góp phần quan trọng vào công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh;

- Nâng cao hiệu quả chức năng quản lý nhà nước, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ; đảm bảo hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt đi vào nề nếp, đúng quy định của pháp luật.

2. Nguyên tắc hoạt động

Nhà nước không trợ giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh; đơn vị khai thác tuyến thực hiện kê khai giá cước vận tải bằng xe ô tô trên cơ sở quy định của pháp luật.

3. Thời gian hoạt động

Trong vòng 45 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng khai thác (đối với các tuyến đã đảm bảo điều kiện khai thác) đơn vị được lựa chọn ký kết hợp đồng khai thác phải thực hiện vận chuyển khách trên các tuyến được giao khai thác. Nếu đơn vị không thực hiện vận chuyển khách theo thời hạn quy định, Sở Giao thông vận tải mời đơn vị có điểm cao kế tiếp thực hiện ký kết hợp đồng khai thác tuyến đó. Đơn vị được đặt hàng, trúng thầu ký hợp đồng khai thác tuyến xe buýt với thời hạn 10 (mười) năm.

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Điều kiện đơn vị tham gia khai thác tuyến

- Có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô; trong đó, có loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định;
- Có đủ năng lực tài chính để thực hiện đầu tư, khai thác tuyến;
- Có bảo lãnh của ngân hàng theo quy định hiện hành của pháp luật quy định về bảo lãnh ngân hàng để thực hiện khi được lựa chọn khai thác tuyến. Phải có các cam kết khi thực hiện đầu tư, khai thác tuyến: Về phương tiện, nhân lực, thời gian duy trì đảm bảo hoạt động đầu tư, khai thác tuyến, niêm yết và thực hiện giá vé. Trường hợp thực hiện không đúng cam kết, Sở Giao thông vận tải đình chỉ quyền hoạt động khai thác tuyến và mời đơn vị có tiềm năng tiếp thực hiện.

2. Hồ sơ đăng ký khai thác

- Tên tuyến, lộ trình chạy xe, điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến (theo Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên kết trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2050);
- Phương án khai thác tuyến;
- Hồ sơ theo quy định tại **Phụ lục III** ban hành kèm theo Phương án này.

3. Tiêu chí khi tham gia khai thác tuyến

3.1. Tiêu chí bắt buộc

- Có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định; có đủ hồ sơ theo quy định tại **Phụ lục III** kèm theo Phương án này.
- Các tuyến xe buýt (tên tuyến, lộ trình, điểm đầu, điểm cuối tuyến) tham gia khai thác đúng theo Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt nội tỉnh và liên kết trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2030, định hướng đến năm 2050;
- Phương án đầu tư, khai thác tuyến đảm bảo các thông tin: xe vận chuyển (số lượng xe, năm sản xuất, loại xe, sức chở,...) tần suất, thời gian hoạt động, phương án giá vé, bố trí lái xe và nhân viên phục vụ;
- Vốn chủ sở hữu: số vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 30% tổng mức đầu tư;
- Bảo lãnh: có bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện khi trúng đầu tư, khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt.

3.2. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm

Sau khi đơn vị đăng ký đáp ứng được các tiêu chí bắt buộc, cơ quan tham mưu của tỉnh sẽ tiến hành đánh giá, chấm điểm tính hợp lệ hồ sơ: về năng lực và điều kiện kinh doanh; về kỹ thuật đối với hồ sơ khai thác tuyến theo **Phụ lục I, Phụ lục II** kèm theo Phương án này.

a) Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ khai thác tuyến

Hồ sơ của đơn vị tham gia lựa chọn được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau:

- Có hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Phương án này;
- Đơn vị tham gia lựa chọn không đang trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh; không đang trong quá trình giải thể hoặc bị cấm hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Đơn vị tham gia lựa chọn có hồ sơ hợp lệ sẽ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và điều kiện kinh doanh. Đơn vị tham gia lựa chọn có hồ sơ không hợp lệ sẽ bị loại.

b) Đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh

- Bảng đánh giá về năng lực và điều kiện kinh doanh đối với hồ sơ khai thác tuyến theo **Phụ lục I** kèm theo Phương án này;
- Nội dung đánh giá theo tiêu chí đạt hoặc không đạt. Đơn vị tham gia lựa chọn đạt tất cả các nội dung theo quy định mới được đánh giá là đáp ứng yêu cầu;
- Đơn vị tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về năng lực và điều kiện kinh doanh mới được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

c) Đánh giá về kỹ thuật

- Việc đánh giá về kỹ thuật đối với hồ sơ khai thác tuyến theo **Phụ lục II** kèm theo Phương án này;
- Đơn vị tham gia lựa chọn không đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu một trong các tiêu chuẩn kỹ thuật được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;
- Đơn vị tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật mới được xem xét, xếp thứ tự đơn vị tham gia lựa chọn.

3.3. Phương án lựa chọn đơn vị khai thác

Lựa chọn đơn vị khai thác đầu tư toàn bộ phương tiện và tổ chức khai thác đối với 02 nhóm tuyến, cụ thể: Nhóm tuyến 01 gồm 10 tuyến (03 tuyến liên tỉnh liên kề và 07 tuyến nội tỉnh); Nhóm tuyến 02 gồm 09 tuyến (03 tuyến liên tỉnh liên kề và 06 tuyến nội tỉnh); Nhóm tuyến số 01, số 02 gồm các tuyến theo **Phụ lục IV** và **Phụ lục V** kèm theo Phương án này). Để đáp ứng kịp thời, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, Sở Giao thông vận tải nghiên cứu đề xuất điều chỉnh các Nhóm tuyến phù hợp với thực tế trên địa bàn. Ngoài ra, một số tuyến mới trong quy hoạch Danh mục sẽ được ký hợp đồng khai thác với đơn vị được chọn khi cơ sở hạ tầng giao thông trên hành trình tuyến hoàn thiện, nhu cầu đi lại trên tuyến đảm bảo và đảm bảo điều kiện mở tuyến theo quy định đối với tuyến có điểm đầu hoặc điểm cuối nằm trong khu vực cảng hàng không.

Phương án sẽ tạo được nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, tăng sự cạnh tranh lựa chọn được đơn vị có tiềm lực về tài chính, nhân lực,

trình độ quản lý đáp ứng yêu cầu (bố trí các tuyến của mỗi Nhóm tuyến đảm bảo hài hòa các tuyến tiềm năng hoạt động hiệu quả, các tuyến theo khu vực và kết nối với nhau để thuận lợi cho việc kinh doanh, hạn chế xung đột giữa các tuyến).

3.4. Phương thức thực hiện

Thực hiện lựa chọn như sau:

- Nếu Nhóm tuyến đề nghị đăng ký khai thác chỉ có một đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về tiêu chí bắt buộc, đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực, kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu trong các tiêu chuẩn kỹ thuật) quy định tại Phương án này thì được chọn ký kết hợp đồng đặt hàng khai thác theo quy định tại mục 1 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Thời gian thực hiện hợp đồng là 10 năm, tính từ ngày bắt đầu khai thác;

- Nếu Nhóm tuyến đề nghị đăng ký khai thác có từ hai đơn vị đăng ký tham gia lựa chọn đáp ứng yêu cầu về tiêu chí bắt buộc, đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực, kinh doanh và đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật (đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu trong các tiêu chuẩn kỹ thuật) quy định tại Phương án này thì thực hiện đấu thầu rộng rãi lựa chọn đơn vị khai thác theo quy định tại mục 2 Chương III Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ. Sở Giao thông vận tải được giao làm bên mời thầu và thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ và quy định khác có liên quan.

3.5. Phương tiện đầu tư

Số lượng phương tiện tối thiểu cần bố trí cho mỗi tuyến theo **Phụ lục VI** kèm theo Phương án này.

PHẦN II TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giao thông vận tải

- Công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, công bố thông tin rộng rãi lên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin xúc tiến đầu tư của tỉnh, ứng dụng Smart Quảng Nam và triển khai văn bản thông báo đến các địa phương, đơn vị, tổ chức có liên quan để thực hiện đăng ký tham gia lựa chọn đơn vị khai thác tuyến xe buýt. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo, Sở Giao thông vận tải tổ chức, tham mưu thực hiện lựa chọn đơn vị khai thác theo phương thức thực hiện quy định tại Phương án này;

- Quản lý, theo dõi, ký hợp đồng với đơn vị được chọn khai thác triển khai hoạt động đầu tư, khai thác tuyến và quản lý quá trình thực hiện của đơn vị khai thác theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quy định chính sách nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khuyến khích, ưu đãi đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (nếu có) và chính sách ưu tiên cho đầu tư phát triển hạ tầng hỗ trợ phương tiện xe buýt sử dụng năng lượng (điện) thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Hướng dẫn kê khai giá cước vận tải hành khách bằng xe buýt theo quy định; tham mưu bố trí kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh (nếu có) theo quy định về phân cấp cấp ngân sách, các chế độ, định mức tại các quy định hiện hành và khả năng cân đối ngân sách.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khuyến khích phát triển hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và của tỉnh (nếu có); phối hợp xây dựng chính sách ưu tiên cho đầu tư phát triển hạ tầng hỗ trợ phương tiện xe buýt sử dụng năng lượng (điện) thân thiện với môi trường trên địa bàn tỉnh (nếu có).

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động liên quan; việc thực hiện bảo đảm an sinh xã hội đối với đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe theo pháp luật hiện hành.

5. Các tổ chức tham gia đăng ký khai thác tuyến

Đảm bảo các điều kiện và tham gia lựa chọn theo các quy định tại Phương án này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Phụ lục I
BẢNG ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC KINH DOANH VẬN
TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

TT	Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (Đạt)	Ghi chú (tài liệu cần nộp)
1	Điều kiện kinh doanh		
1.1	Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt	Giấy phép kinh doanh đúng quy định	Bản sao có chứng thực
1.2	Năng lực tài chính (nguồn vốn chủ sở hữu để thực hiện đầu tư khai thác)	Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán; trường hợp là tổ chức mới thành lập trong năm thì phải cung cấp báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu.	Bản sao có chứng thực
2	Năng lực khai thác tuyến		
2.1	Phương án khai thác tuyến	- Phương án khai thác tuyến đảm bảo các thông tin: Số lượng xe, loại xe, tần suất, thời gian hoạt động trong ngày; phương án giá vé, bố trí lái xe và nhân viên phục vụ...; - Về số lượng xe, tần suất, thời gian hoạt động đảm bảo theo Phụ lục VI	Phương án khai thác tuyến đảm bảo theo mẫu quy định
2.2	Phương tiện xe buýt sử dụng khai thác vận chuyển khách	- Số lượng xe theo Phương án khai thác tuyến (đảm bảo số phương tiện theo Phụ lục VI). - Xe phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê xe bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. - Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở	- Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp. Danh sách phương tiện hiện có theo Mẫu số 3 và Bảng dự kiến đầu tư Mẫu số 4 của Phụ lục III

		hữu của thành viên hợp tác xã. - Trường hợp chưa có phương tiện thì phải có hợp đồng hoặc văn bản được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện theo thời hạn quy định. - Xe phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 5; điểm c, khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ	
2.3	Đăng ký chất lượng dịch vụ	- Có giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải theo Mẫu số 5 của Phụ lục III - Áp dụng Quy trình chất lượng dịch vụ vận tải theo Tiêu chuẩn cơ sở về chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Tổng cục Đường bộ Việt Nam (nay là Cục Đường bộ Việt Nam) ban hành hoặc đơn vị tự xây dựng Quy trình chất lượng dịch vụ vận tải được cơ quan có thẩm quyền công nhận	Đăng ký chất lượng dịch vụ
2.4	Camera, thiết bị giám sát hành trình trên xe	Có hợp đồng lắp đặt hoặc cam kết lắp đặt camera, giám sát hành trình trên xe theo đúng quy định	Hợp đồng lắp đặt hoặc Bản cam kết lắp đặt
2.5	Bảo đảm an toàn giao thông	Quy trình bảo đảm an toàn giao thông theo mẫu quy định	Quy trình bảo đảm an toàn giao thông
2.6	Phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công cách mạng	Có cam kết hoặc phương án phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công cách mạng	Cam kết hoặc Phương án

Phụ lục II
BẢNG ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng Hồ sơ được thực hiện theo phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100, bao gồm các nội dung sau đây:

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Niên hạn sử dụng và trang thiết bị trên xe	65		25
1.1	Niên hạn sử dụng xe tính từ năm sản xuất đến thời điểm nộp hồ sơ, xe có niên hạn khác nhau thì thực hiện tính điểm bình quân, không xem xét xe đã có trên 10 năm niên hạn sử dụng (trừ xe điện)	50		20
a	Xe mới 100% chưa qua sử dụng hoặc Xe điện còn niên hạn sử dụng theo quy định		50	
b	Xe có 1 đến 4 năm niên hạn sử dụng (1 năm được 38 điểm, cứ thêm 1 năm niên hạn thì trừ 2 điểm)		34-40	
c	Xe có từ trên 4 năm đến 07 năm niên hạn (từ trên 04 năm được 30 điểm, cứ thêm 01 năm niên hạn thì trừ 3 điểm nhưng không quá 07 năm niên hạn)		24-30	
d	Xe có niên hạn từ trên 7 năm đến 10 năm		20	20
1.2	Các trang thiết bị trên phương tiện	15		5
a	Có điều hòa nhiệt độ (mỗi phương tiện phải có trang bị)		5	5
b	Có Wifi (mỗi phương tiện phải có trang bị)		5	0
c	Có thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật (mỗi phương tiện phải có trang bị)		5	0
2	Năng lực bảo dưỡng phương tiện	10		5
a	Trực tiếp của đơn vị		10	
b	Hợp đồng thuê đơn vị khác thực hiện		5	5
3	Hoạt động kinh doanh khai thác tuyến	15		10
a	Có cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; chấp hành quy định của cấp có thẩm quyền quy định về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh.		5	5
b	Có cam kết về kế hoạch thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác		5	5
c	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành (chứng minh bằng tài liệu thực tế)		5	0
4	Về kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải loại hình xe buýt	10		0
a	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt ở 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		5	0
b	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		10	0

Phụ lục III
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**HỒ SƠ THAM GIA LỰA CHỌN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

- Tên tuyến vận tải:
- Mã số tuyến (quy ước tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5):
- Lộ trình chạy xe:
- Điểm đầu tuyến:
- Điểm cuối tuyến:
- Tần suất chạy xe:
- Cơ quan tổ chức lựa chọn: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

1. Đơn đăng ký lựa chọn (Mẫu số 1).
2. Giấy phép kinh doanh vận tải.
3. Phương án khai thác tuyến (Mẫu số 2).
4. Bảng kê phương tiện hiện có (Mẫu số 3).
5. Bảng đăng ký phương tiện dự kiến đầu tư để thực hiện khai thác tuyến (Mẫu số 4).
6. Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (Mẫu số 5).
8. Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (Mẫu số 6).
7. Năng lực bảo dưỡng phương tiện (Mẫu số 7).
9. Bảng đánh giá năng lực và hoạt động kinh doanh khai thác tuyến (Mẫu số 8).
10. Bảng tự kê khai đánh giá kỹ thuật (Mẫu số 9).

Mẫu số 1

Tên đơn vị

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN(1)

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

Sau khi nghiên cứu và khảo sát sơ bộ tuyến xe buýt:....., đơn vị:(Ghi chính xác tên đơn vị đăng ký lựa chọn) đăng ký khai thác vận tải hành khách bằng xe buýt, như sau:

- Tên tuyến: (điểm đầu)..... đến (điểm cuối) và ngược lại.
- Mã số tuyến:
- Cự ly vận chuyển:km.
- Lộ trình chạy xe:.....
- Tần suất chạy xe:...
- Giờ mở tuyến:giờ....phút; Giờ đóng tuyến: giờ... phút.
- Thời gian hoạt động trong ngày: giờ (tối thiểu theo Phụ lục 6).
- Tổng số xe đăng ký:xe (tối thiểu theo Phụ lục 6).
- Loại xe: ...; nhãn hiệu...;năm sản xuất...; Số chỗ... (ngồi..., chỗ đứng...);màu sơn...

1. Tham gia Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh vận tải.

4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt này.

5. Thực hiện đúng các đề xuất và cam kết về kỹ thuật, phương án tổ chức đưa ra trong hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến.

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 2

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT

1. Đặc điểm tuyến:

Tên tuyến:

Điểm đầu tuyến: Điểm cuối tuyến:

Lộ trình xe chạy: và ngược lại.

Tần suất chạy xe:phút/chuyến.

2. Biểu đồ chạy xe:

3. Thời gian thực hiện hành trình chạy xe:..... phút

4. Tốc độ lữ hành:....Km/h

5. Số lượng, chủng loại của xe khai thác trên tuyến:

Tổng số xe: chiếc (tối thiểu theo Phụ lục VI). Trong đó số xe dự phòng: chiếc.

Sức chứa: chỗ ngồi, chỗ đứng.

Nhãn hiệu:

Năm sản xuất:

Màu sơn:

6. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ, nhân viên bán vé trên xe:

Tổng số lái xe, nhân viên phục vụ:người;

Số lượng lái xe, nhân viên phục vụ /1 xe:

Chứng chỉ tập huấn:.....; Đồng phục:.....

7. Giá vé và cước hành lý:

7.1. Giá vé:

7.1.1. Giá vé suốt tuyến:đồng/HK.

7.1.2. Giá vé chặng:

- Chặng 1 (từ..... đến.....):đồng/HK.

- Chặng 2 (từ đến.....):đồng/HK.

-

7.1.3. Giá vé dành cho người có công, người cao tuổi, người khuyết tật,...:

7.2. Giá cước hành lý:

7.2.1. Hành lý được miễn cước:kg.

7.2.2. Giá cước hành lý vượt quá mức miễn cước:đ/kg.

8. Hình thức bán vé:

9. Nhà chờ, điểm dừng:

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 3

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH HIỆN CÓ

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị: xe.

TT	Biển số	Năm sản xuất	Sức chứa (chỗ đứng + chỗ ngồi)	Màu sơn	Các trang thiết bị		
					Điều hòa	Wifi	Thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật

*** Ghi chú:**

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;
- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị).

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 4

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ
ĐỂ THỰC HIỆN KHAI THÁC TUYỂN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN**

Tổng số lượng phương tiện đăng ký đầu tư: xe.

TT	Loại xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Sức chứa (chỗ đứng + chỗ ngồi)	Màu sơn	Các trang thiết bị		
						Điều hòa	Wifi	Thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật
1								

*** Ghi chú:**

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo: Hợp đồng hoặc văn bản được ký với Đơn vị cung cấp phương tiện đảm bảo nhà đầu tư có thể thực hiện đầu tư phương tiện.

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 5

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 , ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT tỉnh Quảng Nam

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Nội dung đăng ký

Căn cứ vào kết quả tự đánh giá xếp hạng, đơn vị chúng tôi đăng ký hạng chất lượng dịch vụ vận tải của đơn vị theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách của Bộ Giao thông vận tải (hoặc theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ của đơn vị xây dựng và công bố) như sau:

Đơn vị đạt hạng: (trường hợp Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng phải ghi rõ tương đương hạng nào của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký
 (Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 6**Tên đơn vị CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**QUY TRÌNH
BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

Bước	Nội dung	Tổ chức, cá nhân thực hiện	Thời điểm thực hiện
1	- Theo dõi, tổng hợp, phân tích các dữ liệu hoạt động của từng phương tiện (thông qua thiết bị GSHT, camera) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá, nhắc nhở, chấn chỉnh lái xe đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe; - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe về các vấn đề liên quan đến ATGT.	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Thường xuyên trong hoạt động kinh doanh vận tải khách của đơn vị
	- Bố trí xe và lái xe, nhân viên phục vụ thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định)	Bộ phận điều độ (hoặc cán bộ được phân công).	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển
2	Chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe, nhân viên phục vụ	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận điều độ	Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển
3	- Kiểm tra GPLX; chứng chỉ tập huấn; giấy tờ xe; Lệnh vận chuyển; - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất và các nội dung khác có liên quan.	Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe, nhân viên phục vụ:	Trước khi thực hiện vận chuyển
4	Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của xe: - Kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT, camera; - Kiểm tra hệ thống lái, hệ thống phanh... - Ghi chép kết quả kiểm tra và chuyển cho cán bộ được lãnh đạo phân công.	Lái xe	Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành
5	- Tiếp nhận kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận. Nếu có nội dung không đảm bảo thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe thay thế; - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện.	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công.	Trước khi cho xe khởi hành
6	- Theo dõi quá trình hoạt động của phương	Bộ phận quản lý	Khi xe đang

	tiện, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT; - Tổng hợp các sự cố mất ATGT trong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất ATGT.	các điều kiện về ATGT	hoạt động
7	- Thực hiện nghiêm các quy định về ATGT trong quá trình điều khiển xe vận chuyển hành khách; - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất ATGT để đơn vị có biện pháp xử lý.	Lái xe	Khi xe đang hoạt động
8	- Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có) và tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm; - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất ATGT trong quá trình kinh doanh vận tải;	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Định kỳ hằng tháng
9	- Thống kê quãng đường xe chạy để thực hiện chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện; - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện.	Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT	Khi kết thúc hành trình

Đại diện hợp pháp của đơn vị
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 7**Tên đơn vị CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN

TT	Nội dung	Trực tiếp của đơn vị hoặc có hợp đồng hợp tác bảo dưỡng với đơn vị khác theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ bảo dưỡng	Đơn vị giao cho lái xe tự bảo dưỡng	Ghi chú
1	Năng lực bảo dưỡng phương tiện			

*** Ghi chú:**

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện: Đơn vị được đánh giá là đủ điều kiện tự bảo dưỡng phương tiện phải nộp kèm Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Đối với trường hợp có hợp đồng hợp tác bảo dưỡng với đơn vị khác theo quy định hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ bảo dưỡng bảo dưỡng: Đơn vị cung cấp hợp đồng hợp tác hoặc hợp đồng thuê bảo dưỡng, Giấy chứng nhận cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 8

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢNG ĐÁNH GIÁ VỀ ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC KINH DOANH VẬN
TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE BUÝT**

TT	Nội dung đánh giá năng lực và điều kiện kinh doanh	Diễn giải	Tự đánh giá
1	Điều kiện kinh doanh		
	Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô loại hình kinh doanh vận tải bằng xe buýt		
2	Năng lực khai thác tuyến		
2.1	Phương án đầu tư, khai thác tuyến		
2.2	Phương tiện xe buýt sử dụng khai thác vận chuyển khách		
2.3	Đăng ký chất lượng dịch vụ		
2.4	Camera, thiết bị Giám sát hành trình trên xe		
2.5	Bảo đảm an toàn giao thông		
2.6	Phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho hành khách là trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công		

Đại diện hợp pháp của đơn vị
 (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 9

Tên đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢNG TỰ KÊ KHAI ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

TT	Nội dung đánh giá	Diễn giải	Tự đánh giá	Ghi chú
1	Niên hạn sử dụng và trang thiết bị trên xe			
1.1	Niên hạn sử dụng			
a	Xe mới 100% chưa qua sử dụng hoặc Xe điện còn niên hạn sử dụng theo quy định			
b	Xe có 1 đến 4 năm niên hạn sử dụng			
c	Xe có từ trên 4 năm đến 07 năm niên hạn			
d	Xe có niên hạn từ trên 7 năm đến 10 năm			
1.2	Các trang thiết bị trên phương tiện			
a	Có điều hòa nhiệt độ (mỗi phương tiện phải có trang bị)			
b	Có Wifi (mỗi phương tiện phải có trang bị)			
c	Có thiết bị, công cụ hỗ trợ người khuyết tật (mỗi phương tiện phải có trang bị)			
2	Năng lực bảo dưỡng phương tiện			
a	Trực tiếp của đơn vị			
b	Hợp đồng thuê đơn vị khác thực hiện			
3	Hoạt động kinh doanh khai thác tuyến			
a	Có cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về giao thông đường bộ; chấp hành quy định của cấp có thẩm quyền quy định về phương tiện đường bộ hoạt động trên địa bàn tỉnh.			
b	Có cam kết về kế hoạch thay thế, bổ sung xe điện trong quá trình khai thác			
c	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành (chứng minh bằng tài liệu thực tế)			
4	Về kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải loại hình xe buýt			
a	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt ở 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương			
b	Có kinh nghiệm hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe buýt từ 02 tỉnh, thành phố			

Đại diện hợp pháp của đơn vị

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phụ lục IV
NHÓM TUYẾN 01

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
	Tuyến liên tỉnh liền kề				
1	Tam Kỳ - Đà Nẵng	954 Phan Châu Trinh (Tam Kỳ) - đường Phan Châu Trinh - Phan Bội Châu - Bến xe khách Tam Kỳ - Quốc lộ 1 - cầu Hương An cũ - Quốc lộ 1 - Quốc lộ 1 cũ (qua Nam Phước - Điện Phương - Điện Minh - Vĩnh Điện) - Quốc lộ 1 - Bến xe phía Nam thành phố Đà Nẵng.	954 Phan Châu Trinh, thành phố Tam Kỳ	Bến xe phía Nam thành phố Đà Nẵng	Tuyến hiện trạng, có điều chỉnh
2	Sân bay Chu Lai - Đà Nẵng	Sân bay Chu Lai - đường Võ Chí Công - đường Lạc Long Quân - đường Trường Sa - đường An Nông (thành phố Đà Nẵng) - đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Trạm dừng xe buýt Non Nước (Khu đất A12).	Bãi đỗ xe Cảng hàng không Chu Lai, huyện Núi Thành	Trạm dừng xe buýt Non Nước (Khu đất A12)	Tuyến mở mới (sau khi đường Võ Chí Công hoàn thành)
3	Tam Kỳ - Quảng Ngãi	Bến xe khách Tam Kỳ - đường Phan Bội Châu - đường Hùng Vương - đường Thanh Hóa - đường Phan Châu Trinh - cầu Tam Kỳ - Quốc lộ 1 - Đường Dốc Sỏi đi Dung Quất.	Bến xe khách Tam Kỳ	Đường Dốc Sỏi đi Dung Quất (huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi)	Tuyến mở mới
	Tuyến nội tỉnh				
4	Hiệp Đức - Thăng Bình	Xã Sông Trà, Hiệp Đức (tại điểm Ngã Ba tuyến QL 14E đi Khu di tích Khu ủy Khu V) - Quốc lộ 14E - đường Tiểu La (thị trấn Hà Lam) - Quốc lộ 14E - cầu Bình Đào - Quốc lộ 14E - đường Võ Chí Công - Bãi đỗ xe Vinpearl Land Nam Hội An	Xã Sông Trà, Hiệp Đức (tại điểm Ngã Ba tuyến QL 14E đi Khu di tích Khu ủy Khu V).	Bãi đỗ xe Vinpearl Land Nam Hội An	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Tam Kỳ - Hiệp Đức

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
5	Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước	Đường trục chính KCN Tam Thăng (điểm khu vực Cây Xăng dầu KCN Tam Thăng) - đường Nguyễn Văn Trỗi - đường Hùng Vương - đường Trần Quý Cáp - đường Lý Thường Kiệt - đường Trần Phú - ĐT.616 - ĐH.1 (Tiên Phước) - đường Huỳnh Thúc Kháng - đường Mười tháng Ba - ĐT.614 - Bến xe khách Tiên Phước.	Đường trục chính KCN Tam Thăng (điểm khu vực Cây Xăng dầu KCN Tam Thăng)	Bến xe khách Tiên Phước	Tuyến mở mới
6	Tam Thanh - Phú Ninh	Bãi đỗ xe Quảng trường biển Tam Thanh - đường Tam Kỳ-Tam Thanh - đường Duy Tân - đường Tôn Đức Thắng - đường Hùng Vương - đường Trần Cao Vân - đường Tam Kỳ - Phú Ninh - Bãi đỗ xe Khu du lịch Phú Ninh.	Bãi đỗ xe Quảng trường biển Tam Thanh	Bãi đỗ xe Khu du lịch Phú Ninh.	Tuyến mở mới
7	Núi Thành - Tiên Phước	Bãi đỗ xe Bến phà Tam Quang - ĐH.6NT - đường Hoàng Hoa Thám - Quốc lộ 1 - đường Nguyễn Văn Linh - Quốc lộ 1 - ĐT.617 - ĐH.8 (Núi Thành) - ĐH.14 (Tiên Phước) - ĐH.5 (Tiên Phước) - Quốc lộ 40B - ĐT.614 - Bến xe khách Tiên Phước.	Bãi đỗ xe Bến phà Tam Quang	Bến xe khách Tiên Phước	Tuyến mở mới (khi tuyến ĐT.617 hoàn thành)
8	Tam Kỳ - Hiệp Đức	Bãi đỗ xe biển Tinh Thủy (xã Tam Thanh) - ĐT.615 - ĐT.614 - Quốc lộ 14E - Bến xe khách Hiệp Đức.	Bãi đỗ xe biển Tinh Thủy (xã Tam Thanh)	Bến xe khách Hiệp Đức	Tuyến mở mới (sau khi mở rộng tuyến ĐT.614 và cầu Tinh Thủy hoàn thành)
9	Hội An - Tam Hải	Bến xe buýt Hội An - đường Nguyễn Tất Thành - đường Lý Thường Kiệt - đường Trần Nhân Tông - đường ĐH5 - ĐH.15HA - cầu Cửa Đại - đường Võ Chí Công - đường ĐT.613 - đường ĐT.613B (đường Thanh Niên) - Bãi đỗ xe Bến phà Tam Hải	Bến xe buýt Hội An	Bãi đỗ xe Bến phà Tam Hải	Tuyến mở mới
10	Hội An - Đại Lộc	Bãi đỗ xe Làng gốm Thanh Hà - ĐT.608 - đường Hoàng Diệu (Vĩnh Điện) - đường Trần Nhân Tông - cầu Vĩnh Điện (cũ) - ĐT.609 cũ (Điện An) - ĐT.609 - Bến xe khách Hà Tân (Đại Lãnh).	Bãi đỗ xe Làng gốm Thanh Hà	Bến xe khách Hà Tân (Đại Lãnh)	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Tam Kỳ - Đại Lãnh

Phụ lục V
NHÓM TUYẾN 02

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
	Tuyến liên tỉnh liền kề				
11	Mỹ Sơn - Đà Nẵng	Bãi đỗ xe khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn - ĐH.2 (Duy Xuyên) - Quốc lộ 14H - cầu Giao Thủy - ĐT.609B - Quốc lộ 14B - Bãi đỗ xe Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang.	Bãi đỗ xe khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn (Duy Xuyên)	Bãi đỗ xe Trung tâm hành chính huyện Hòa Vang	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Ái Nghĩa - Đà Nẵng và tuyến Phú Đa - Đà Nẵng
12	Tuyến Cửa Đại, TP Hội An - Đà Nẵng	Bãi đỗ xe Bến thủy nội địa Cửa Đại - đường Âu Cơ - đường Cửa Đại - đường Trần Nhân Tông - đường Lý Thường Kiệt - đường Nguyễn Tất Thành - ĐT.607 - Bãi đỗ xe gần Trường CNTT Việt - Hàn.	Bãi đỗ xe Bến thủy nội địa Cửa Đại, thành phố Hội An	Bãi đỗ xe gần Trường CNTT Việt - Hàn (Đà Nẵng)	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Hội An - Đà Nẵng
13	Tây Giang - Đông Giang - Đà Nẵng	Bến xe khách Tây Giang - ĐT.606 - đường Hồ Chí Minh nhánh Tây - QL 14G - Quốc lộ 14B - Bến xe phía Nam thành phố Đà Nẵng.	Bến xe khách Tây Giang	Bến xe phía Nam thành phố Đà Nẵng	Tuyến mở mới
	Tuyến nội tỉnh				

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
14	Quế Sơn - Nông Sơn - Duy Xuyên	Đường vào Khu công nghiệp Đông Quế Sơn (Hương An) - Quốc lộ 1 - ĐT.611 - Quốc lộ 14H - ĐH.2(Duy Xuyên) - Bãi đỗ xe khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn	Đường vào Khu công nghiệp Đông Quế Sơn	Bãi đỗ xe khu di tích Thánh địa Mỹ Sơn	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Quế Sơn - Đà Nẵng
15	Nam Giang - Đại Lộc	Bến xe khách Nam Giang (một số chuyến xe trong ngày kết nối Cửa khẩu Nam Giang) - Quốc lộ 14B - ĐT.609C - ĐT.609B - ĐT.609 - Bến xe khách Đại Lộc.	Bến xe khách Nam Giang (một số chuyến xe trong ngày kết nối Cửa khẩu Nam Giang)	Bến xe khách Đại Lộc	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Tam Kỳ - Nam Giang
16	Đông Giang - Điện Bàn	Bãi đỗ xe Khu du lịch sinh thái Cổng trời Đông Giang - Đường Hồ Chí Minh - QL 14B - ĐT.609 - Ái Nghĩa - Quốc lộ 1 - Bến xe khách Bắc Quảng Nam.	Bãi đỗ xe Khu du lịch sinh thái Cổng trời Đông Giang	Bến xe khách Bắc Quảng Nam (Điện Bàn)	Tuyến mở mới
17	Đông Giang - Nam Giang - Phước Sơn	Bến xe khách Đông Giang - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách Nam Giang - đường Hồ Chí Minh - Bến xe khách Phước Sơn.	Bến xe khách Đông Giang	Bến xe khách Phước Sơn	Tuyến mở mới
18	Hội An - Mỹ Sơn	Bãi đỗ xe Làng gốm Thanh Hà - đường Duy Tân - Cầu Cẩm Kim - Quốc lộ 14H - cầu Duy Nghĩa (cầu Bà Ngân sau khi nâng cấp) - Quốc lộ 14H - Quốc lộ 1 - Quốc lộ 14H - ĐH.2 (Duy Xuyên) - Bãi đỗ xe khu du lịch Thánh địa Mỹ Sơn.	Bãi đỗ xe Làng gốm Thanh Hà	Bãi đỗ xe khu du lịch Thánh địa Mỹ Sơn	Tuyến mở mới (tuyến buýt chuyên biệt phục vụ du lịch khi cầu Duy Nghĩa hoàn thành)

Quy ước mã số tuyến	Tên tuyến	Lộ trình chạy xe (bao gồm 02 chiều đi)	Điểm đầu	Điểm cuối	Ghi chú
19	Duy Xuyên - Đại Lộc	Bến xe khách Nam Phước - QL1 - QL14H - Cầu Giao Thủy - ĐT 609B - Cầu Quảng Huế - ĐT 609C - Bến xe khách Đại Chánh	Bến xe khách Nam Phước	Bến xe khách Đại Chánh	Điều chỉnh từ tuyến hiện trạng Tam Kỳ - Đại Phong

Phụ lục VI
PHƯƠNG TIỆN ĐẦU TƯ

Mã số tuyến	Tên tuyến	Số chuyến xe hoạt động trong ngày (tối thiểu)	Số phương tiện đầu tư (tối thiểu)
1	Tam Kỳ - Đà Nẵng	48 chuyến	13 xe
2	Sân bay Chu Lai - Đà Nẵng	Theo lịch trình các chuyến bay tại sân bay Chu Lai	7 xe
3	Tam Kỳ - Quảng Ngãi	40 chuyến	11 xe
4	Hiệp Đức - Thăng Bình	24 chuyến	6 xe
5	Tam Kỳ - Phú Ninh - Tiên Phước	24 chuyến	6 xe
6	Tam Thanh - Phú Ninh	24 chuyến	6 xe
7	Núi Thành - Tiên Phước	24 chuyến	6 xe
8	Tam Kỳ - Hiệp Đức	24 chuyến	6 xe
9	Hội An - Tam Hải	24 chuyến	6 xe
10	Hội An - Đại Lộc	24 chuyến	6
11	Mỹ Sơn - Đà Nẵng	32 chuyến	8 xe
12	Tuyến Cửa Đại, TP Hội An - Đà Nẵng	40 chuyến	12 xe
13	Tây Giang - Đông Giang - Đà Nẵng	24 chuyến	7 xe
14	Quế Sơn - Nông Sơn - Duy Xuyên	24 chuyến	6 xe
15	Nam Giang - Đại Lộc	24 chuyến	6 xe

16	Đông Giang - Điện Bàn	24 chuyến	6 xe
17	Đông Giang - Nam Giang - Phước Sơn	24 chuyến	6 xe
18	Hội An - Mỹ Sơn	24 chuyến	6 xe
19	Duy Xuyên - Đại Lộc	24 chuyến	6 xe